

Tên:

Lớp: S9...

Ngày giao bài: Thứ, ngày/.....

Ngày nộp bài: Thứ, ngày/.....



Week: 10 - GVVN

Ngữ pháp HW:

Nghe HW:

UNIT 3: TOURISM - PAST CONTINUOUS PASSIVE & CHECKPOINT WRITING PART 1

A. THEORY

I. GRAMMAR: Past Continuous Passive (Câu bị động Thì quá khứ tiếp diễn)

Cách dùng	Dùng khi muốn nhấn mạnh người/vật đang nhận hành động tại một thời điểm trong quá khứ, thay vì người thực hiện hành động.	
Công thức	Khẳng định	S + was/were + <u>being</u> + V3 (by + O) Ví dụ: The room <u>was being cleaned</u> .
	Phủ định	S + was/were + not + <u>being</u> + V3 (by + O) Ví dụ: The room <u>was not being cleaned</u> .
	Nghi vấn	Was/Were + S + <u>being</u> + V3 (by + O)? Wh-word + was/were + S + <u>being</u> + V3 (by + O)? Ví dụ: <u>Was the room being cleaned</u> ? <u>Why was the road being repaired</u> ?
Chuyển từ chủ động sang bị động	Active: S + was/were + <u>V-ing</u> + O → Passive: O + was/were + <u>being</u> + V3 + (by + S) Ví dụ: The teacher <u>was reading</u> the book. → Passive: <u>The book was being read</u> by the teacher.	

II. EXTRA VOCABULARY

Con truy cập link hoặc quét mã QR để nghe và đọc lại từ vựng nhé:

<https://soundcloud.com/ms-chi-english/viet-s9-w10-extra-vocab>



No.	Words / Phrases	Meanings	No.	Words / Phrases	Meanings
1	loads (n)	rất nhiều	6	pick someone up (phr)	đón ai
2	sensible (adj)	hợp lý, sáng suốt	7	get in (phr)	đến nơi
3	for now (phr)	tạm thời, hiện tại	8	instead (adv)	thay vào đó
4	out of date (phr)	cũ, không còn cập nhật (sách, thông tin)	9	get back home (phr)	trở về nhà
5	go with (an idea) (phr)	đồng ý làm theo (một ý tưởng)			

III. CHECKPOINT WRITING PART 1 TIPS

Dạng bài	Viết tin nhắn ngắn theo tình huống cho sẵn. - Trả lời đủ 3 ý trong đề. - Độ dài: 45–55 từ. - Văn phong thân mật (informal).
Cách làm	B1. Xác định tình huống: viết cho ai và mục đích gì. B2. Phân tích 3 yêu cầu B3. Lập dàn ý: Opening → Body (Ý 1 → Ý 2 → Ý 3) → Ending B4. Kiểm tra: Nội dung, ngữ pháp/chính tả, số từ.
Tips	Dùng câu nối tự nhiên, không viết 3 ý rời rạc. Dùng cách diễn đạt thân mật: <i>Hi Alex, Could you...?, Thanks!, See you..., Sign (Kí tên: Your best friend,...)</i>

B. CLASSWORK

CHECKPOINT WRITING PART 1

You visited the house of your English-speaking friend Alex at the weekend and you left your bag there. Write a message to Alex. In your message you should:

- ask Alex to look for your bag
- explain where it might be
- describe the bag.

Write 45-55 words.

OPENING	BODY 1 – Ask for help	BODY 2 – Say where	BODY 3 – Describe the bag	CLOSING
Steps • Greet Alex. • Say the reason for your message (optional).	Steps • Ask Alex to look for your bag. • Use a polite request.	Steps • Explain where it might be. • Be as specific as possible. • Use prepositions of place.	Steps • Describe the bag clearly. • Mention colour, size and distinctive details.	Steps • Ask Alex to let you know if he finds it • Thank him • End the message naturally.
Useful structures • Hi Alex, • Hope you're well! • I'm writing to ... • Just a quick message ...	Useful structures • Could you look for ..., please? • Would you mind checking ... for me? • Can you see if ...?	Useful structures • I think it might be ... • It may be ... • I might have left it ... • It could be ...	Useful structures • It's a/an ... bag. • It has ... • There is/are ... on it. • It looks ...	Useful structures • Please let me know ... • Thanks a lot! • See you soon! • Speak soon!
Useful vocabulary • hi, hello • hope, weekend • write, message	Useful vocabulary • look for, check, find • bag, my bag	Useful vocabulary • next to, under, behind, on • sofa, chair, table, bedroom, living room, upstairs	Useful vocabulary • black, blue, red, grey • small, large • backpack, handbag, school bag • pocket, zip, strap, logo, pattern	Useful vocabulary • let me know, find • thanks, see you

Example message (53 words)

Hi Alex,
 Hope you're well! Could you look for my bag, please? I think I might have left it on the sofa in your living room. It's a small black backpack with a red zip and a white logo on the front. Please let me know if you find it.
 Thanks a lot!

LISTENING PRACTICE (10 questions)

Lưu ý:

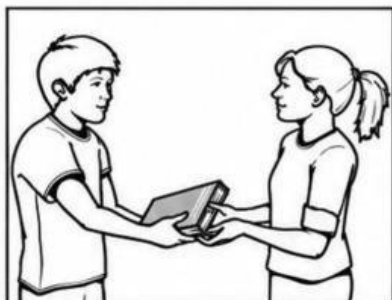
1. Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
2. Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài.

Con truy cập link hoặc quét mã QR để làm bài nghe nhé:
<https://soundcloud.com/ms-chi-english/viet-s9-w10-check-point>

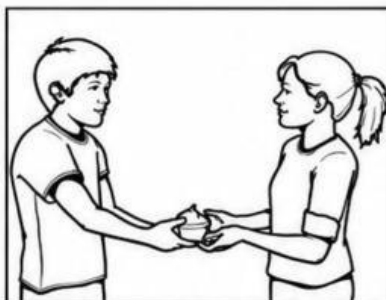


I. Choose the correct picture and circle the letter A, B, C below it.

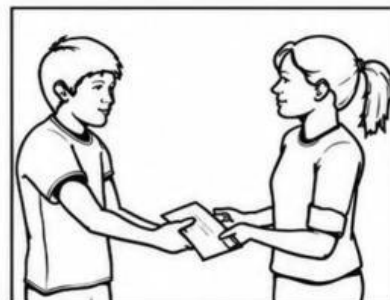
Example Why did Jason visit Ally?



A

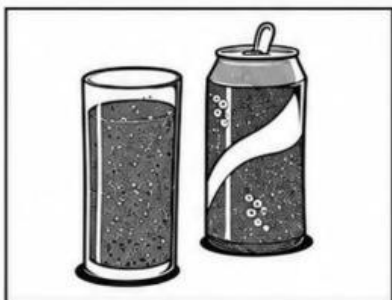


B



C

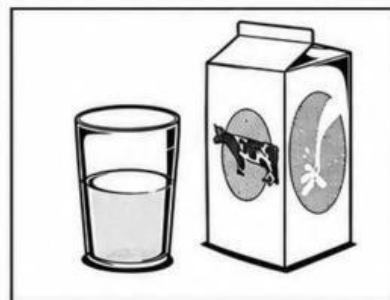
1 Which drink does the boy choose?



A



B



C

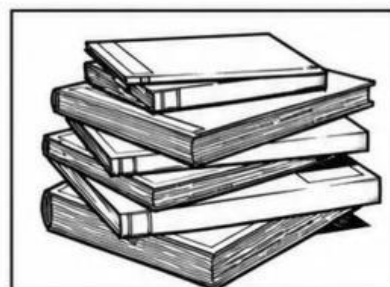
2 What is the girl going to borrow?



A

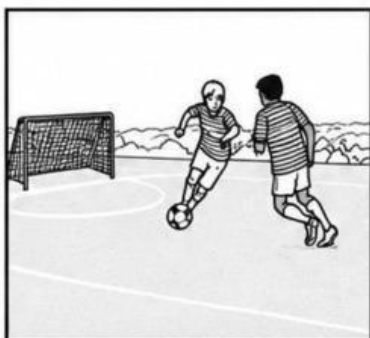


B



C

3 What activity has the boy just done?



A



B



C

[1]

4 How will the students get information for their science project?



A



B



C

[1]

5 Who is going to meet grandma at the station?



A



B



C

[1]

II. Listen again and answer the questions. Write **NO MORE THAN THREE WORDS AND/OR A NUMBER** for each answer.

1. What is the maximum amount of cola the boy can have each day?

→ _____

2. What problem does the girl have with her current school bag?

→ _____

3. What did the boy's coach advise him to do regularly?

→ _____

4. What problem does the girl mention about the books?

→ _____

5. When does the boy expect to see his grandma after she arrives?

→ _____